

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày: 26 - 10 - 2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Đặng Thị Thu.

Ông: Hoàng Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND Thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLST- DS ngày 27 tháng 4 năm 2020; về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXX-DS ngày 09 tháng 8 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa và thời gian mở lại phiên tòa số 95/2021/TB-TA ngày 27 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2021/QĐST-DS ngày 01/10/2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (S bank); địa chỉ: Số x – y đường N, Phường a, Quận b, Thành Phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - chi nhánh Quảng Bình; đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trương Xuân T - Phó phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: Số x Q Trung, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quốc C, sinh năm: 1985 và bà Trần Thị Hoài T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Số 4, đường P, TDP y, phường B, TP. Đ, Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2020, bản tự khai ngày 12/5/2020 và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (sau đây viết tắt gọi tắt là S bank) trình bày:

- Về hợp đồng tín dụng: Ngày 09/10/2014 ông Phạm Quốc C và bà Trần Thị Hoài T ký kết với Phòng giao dịch B S bank chi nhánh Quảng Bình Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1428200199: Vay số tiền: 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất cho vay: 0,7%/tháng, lãi suất này áp dụng trong 06 tháng đầu.

+ Kể từ tháng thứ 07 trở đi, lãi suất được tính theo lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S bank + (cộng) biên độ 3,5%/năm.

+ Thời điểm ngày 09/07/2017: lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S bank là 7,55%/năm => Lãi suất vay áp dụng là 11,05%/năm.

+ Thời điểm ngày 09/10/2017; 09/01/2018; 09/04/2018; 09/07/2018: lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S bank là 7,6%/năm => Lãi suất vay áp dụng là 11,1%/năm.

+ Thời điểm ngày 09/10/2018; 09/01/2019; 09/04/2019: lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank là 7,8%/năm => Lãi suất vay áp dụng là 11,3%/năm.

+ Thời điểm ngày 09/07/2018: lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank là 8%/năm => Lãi suất vay áp dụng là 11,5%/năm.

Phương thức trả nợ: gốc + lãi trả hàng tháng (vào ngày 08 hàng tháng); số nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 7.666.000 đồng.

- Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay đã nêu hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 103/2014/HĐTC ngày 09/10/2014, được Văn phòng công chứng H chứng nhận ngày 09/10/2014, số công chứng 1104 quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 09/10/2014, số đơn đăng ký: 1166889432. Theo đó tài sản thế chấp là 01 xe ô tô bán tải, nhãn hiệu Mazda BT-50, biển kiểm soát 73C-xxx.xx, sản xuất tại Thái Lan năm 2014, số khung: 4DD0FW226762, số máy: P4AT1203685, tài sản đứng tên ông Phạm Quốc C theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000895 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 08/10/2014.

- Quá trình trả nợ vay:

+ Ngày 09/10/2014, S bank đã giải ngân số tiền 460.000.000 đồng ông C bà T đã ký giấy nhận nợ và đã thực hiện đúng các kỳ trả nợ đến 08/8/2017.

+ Ngày 08/09/2017, đến hạn trả nợ gốc và lãi hàng tháng, tuy nhiên Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T không trả nợ dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Dư nợ thời điểm phát sinh nợ quá hạn (ngày 08/09/2017) là 199.356.000 đồng.

+ Sau khi phát sinh nợ quá hạn Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 54.800.000 đồng nợ gốc (chi tiết theo Bảng kê tính lãi trong hồ sơ khởi kiện), không thanh toán nợ lãi. Tính đến ngày 04/03/2020, Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T còn nợ 144.556.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/08/2017 đến nay, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng.

Vì vậy, S bank khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giải quyết: Buộc Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T phải trả số tiền tại Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014 tính đến ngày 04/03/2020 là: 216.166.622 đồng, trong đó: Số tiền gốc tính là: 144.556.000 đồng; số tiền lãi tính đến ngày 04/03/2020 là: 71.610.622 đồng.

Yêu cầu ông Phạm Quốc C và bà Trần Thị Hoài T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014, kể từ ngày 05/3/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trong trường hợp ông Phạm Quốc C và bà Trần Thị Hoài T không trả được nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014 thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có quyền xử lý tài sản bảo đảm nghĩa vụ thi hành án là: Xe ô tô bán tải, nhãn hiệu Mazda BT-50, biển kiểm soát 73C-xxx.xx, sản xuất tại Thái Lan năm 2014, số khung: 4DD0FW226762, số máy: P4AT1203685, tài sản đứng tên ông Phạm Quốc Chung theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000895 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 08/10/2014. Tài sản thế chấp được giao cho bên thế chấp quản lý sử dụng, ngân hàng chỉ giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, hiện nay không rõ xe đang có ở đâu.

Trường hợp bán tài sản nêu trên mà vẫn không đủ để thanh toán nợ vay thì ông Phạm Quốc C và bà Trần Thị Hoài T phải tiếp tục thanh toán nợ vay còn lại. Ngân hàng TMCP Sài Gòn T được quyền xử lý các tài sản của ông Phạm Quốc C và bà Trần Thị Hoài T để thu hồi nợ.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xuất trình bảng kê tính lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/10/2021), yêu cầu ông Phạm Quốc C bà Trần Thị Hoài T phải trả cho Sacombank, số tiền: 252.572.037 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc: 144.556.000 đồng
- + Lãi trong hạn phải trả: 25.343.360 đồng.
- + Lãi quá hạn: 82.672.677 đồng

Ông Phạm Quốc C và bà Trần Thị Hoài T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014, kể từ ngày 27/10/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc.

* Quá trình tố tụng giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà án đã thực hiện nhiều phương thức tổng đạt quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự cho bị đơn; nhưng do bị đơn bỏ đi khỏi nơi cư trú đã ghi trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, nên việc tổng đạt văn bản tố tụng không thể thực hiện. Xác minh tại địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, Công an phường B, TP. Đ cung cấp ông C bà T có hộ khẩu thường trú tại phường B, hiện nay ông C bà T không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì.

Người bị kiện thay đổi nơi cư trú làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, khoản 1 Điều 79 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ, do đó Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết công

khai thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải... nhưng bị đơn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, cố tình từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Toà án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như không thể thực hiện xem xét thẩm định tài sản thế chấp.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên toà theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành cấp tổng đạt các quyết định tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng cố tình vắng mặt không chấp hành pháp luật, tòa án không thể hòa giải; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 116, 117, 119, 300, 320, 323, 463, 465, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện thì tuyên xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

1. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập bị đơn đến phiên tòa theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Do vắng mặt bị đơn Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Các quyết định hoãn phiên tòa có ấn định thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn 2 lần nhưng ông Phạm Quốc C và bà Trần Thị Hoài T vẫn vắng

mặt tại phiên toà mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014 được hai bên tự nguyện thỏa thuận, ký kết trên cơ sở đề nghị vay vốn của ông Chung bà Thương, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T chấp thuận và giải ngân số tiền 460.000.000 đồng cho ông C bà T. Thời hạn cho vay là 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay; mục đích cho vay mua xe ô tô.

- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 7%/tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 06 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Lãi suất các kỳ tiếp theo được tính theo lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S bank + (cộng) biên độ 3,5%/năm.

- Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Các kỳ trả nợ gốc và lãi theo định kỳ, tổng cộng gồm 60 kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 08 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 08/11/2014, kỳ cuối cùng 08/10/2019.

[2.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Quốc C và bà Trần Thị Hoài T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với S bank, kể từ ngày 08/9/2017 ông Phạm Quốc C và bà Trần Thị Hoài T đã không trả nợ gốc và lãi theo đúng các kỳ hạn, số tiền gốc còn nợ: 144.556.000 đồng; lãi trong hạn phải trả: 25.343.360 đồng; lãi quá hạn: 82.672.677 đồng; tổng cộng: 252.572.037 đồng cùng tiền lãi phát sinh cho đến nay.

Về yêu cầu đòi tiền lãi quá hạn: Theo các điều khoản chung kèm theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần Sacom bank đã tính lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay tại thời điểm quá hạn trên số nợ gốc đến kỳ hạn trả nợ là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Toàn bộ khoản vay đã quá hạn kể từ ngày 08/10/2019, nên Nguyên đơn khởi kiện đòi toàn bộ nợ gốc và lãi là có căn cứ. Yêu cầu đòi nợ gốc và lãi đều trong thời hiệu khởi kiện. Cần áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005 để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; buộc ông Phạm Quốc C bà Trần Thị Hoài T phải trả cho S bank, số tiền: 252.572.037 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc:	144.556.000 đồng
+ Lãi trong hạn phải trả:	25.343.360 đồng.
+ Lãi quá hạn:	82.672.677 đồng

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Quốc C bà Trần Thị Hoài T còn tiếp tục phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho S bank.

[2.3] Xét Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 103/2014/HĐTC ngày 09/10/2014, theo đó tài sản thế chấp là 01 xe ô tô bán tải, nhãn hiệu Mazda BT-50, biển kiểm soát 73C-xxxx.xx, sản xuất tại Thái Lan năm 2014, số khung:

4DD0FW226762, số máy: P4AT1203685, tài sản đứng tên ông Phạm Quốc C theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000895 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 08/10/2014, hợp đồng được Văn phòng công chứng H chứng nhận ngày 09/10/2014, số công chứng 1104 quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 09/10/2014 theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T không trả được nợ tại Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014 thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 355 của Bộ luật Dân sự 2005;

[3] Về án phí sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 121, 122, 124, 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 355, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên xử: xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T thanh toán hết số tiền còn nợ tại Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014 cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền: 252.572.037 đồng (Bao gồm Nợ gốc: 144.556.000 đồng; Lãi trong hạn: 25.343.360 đồng; Lãi quá hạn: 82.672.677 đồng)

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (26/10/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014 được ký kết giữa Ngân hàng với Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T.

3. Trong trường hợp Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T không trả được nợ Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014 thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là: Xe ô tô bán tải, nhãn hiệu Mazda BT-50, biển kiểm soát 73C-xxx.xx, sản xuất tại Thái Lan năm 2014, số khung: 4DD0FW226762, số máy: P4AT1203685,

tài sản đứng tên ông Phạm Quốc C theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000895 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 08/10/2014.

Trường hợp bán tài sản nêu trên mà vẫn không đủ để thanh toán nợ vay thì Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T phải tiếp tục thanh toán nợ vay còn lại của Hợp đồng tín dụng số LD1428200199 ngày 09/10/2014 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

4. Về án phí: Ông Phạm Quốc C và Bà Trần Thị Hoài T phải chịu 12.628.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí là 5.404.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006311 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Sơn

